

Bản án số: **369** /2022/HSST
Ngày:15/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Đức Dục

2. Ông Hoàng Đức Thọ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Sỹ - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Công Tuấn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 15/9/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 202/2022/TLST-HS ngày 06/6/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 368/2022/QĐXXST-HS ngày 24/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2022/QĐ-HPT ngày 06/9/2022, đối với các bị cáo:

1. Tạ Đình T, sinh năm 1963 tại Thành phố Hà Nội; ĐKKHKT: Số 290, phố KT, phường TQ, quận DD, Thành phố Hà Nội; Chỗ ở trước khi phạm tội: Số 59, phố HM, phường BM, quận HBT, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Tạ Đình H; sinh năm 1938; Con bà: Hoàng Thị V - Đã chết; Vợ: Bùi Thu H, sinh năm 1966; Có 02 con: Lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1998; Danh chỉ bản số 501, lập ngày 22/10/2021 tại Công an quận HBT, Thành phố Hà Nội; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 105/HS-ST ngày 18/4/1980, của Tòa án nhân dân quận HBT, Thành phố Hà Nội xử phạt 08 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa*”; Ngày 10/7/1985, Tòa án nhân dân quận HK, Thành phố Hà Nội xử phạt 20 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản của công dân*.” (Đã chấp hành xong 2 bản án, đã được xóa án);

Bị cáo bị truy nã, ra đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày **15/10/2021** đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bùi Thu H , sinh năm 1966 tại Thành phố Hà Nội; ĐKHKTT: Số 15 phố HT, phường PĐH, quận HBT , Hà Nội; Chỗ ở trước khi phạm tội: Số 59, phố HM, phường BM, quận HBT , Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Nguyên Giáo viên trường Trung học cơ sở LNH, quận HBT , Thành phố Hà Nội; Trình độ học vấn: 10/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Bùi Đức Nh - Đã chết; Con bà: Khắc Thị Tuysinh năm 1938; Chồng: Tạ Đình T , sinh năm 1963; Có 02 con: Lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 500, lập ngày 22/10/2021 tại Công an quận HBT , Thành phố Hà Nội; Bị cáo bị truy nã, ra đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày **15/10/2021** đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội. *(Có mặt tại phiên tòa)*.

*** Người bị hại:**

1. Bà Trịnh Thị H , sinh năm 1970; Trú tại số nhà 45, ngõ 162, phố TTĐ, phường HB , quận ĐĐ, Hà Nội; (Đang chấp hành án tại trại giam số 5 – Bộ Công an). (Ủy quyền cho bà Trịnh Thị Đ – Chị gái; Trú tại: số nhà 45, ngõ 162, phố TTĐ, phường HB , quận ĐĐ , Hà Nội). *(Bà H và bà Đ đều có Đơn xin xét xử vắng mặt)*.

2. Ông Trần Thanh T , sinh năm 1960; Trú tại số nhà 45, ngõ 162, phố TTĐ, phường HB , quận ĐĐ , Hà Nội. *(Có Đơn xin xét xử vắng mặt)*.

3. Ông Nguyễn Đắc Q , sinh năm 1954; Trú tại số 22B, ngõ LL, phường BM , quận HBT , Hà Nội; *(Ủy quyền cho con gái là chị Nguyễn Thị K D - có Đơn xin xét xử vắng mặt)*.

4. Bà Nguyễn Thị K , sinh năm 1963; Trú tại số 1, ngách 26, ngõ TT , phường KT , quận ĐĐ , Hà Nội; (đã chết ngày 01/12/2021).

Người đại diện của bà K: Ông Nguyễn Văn H (Chồng); chị Nguyễn Thu H (con gái). Đề nghị ủy quyền cho chị H và *xin vắng mặt tại phiên tòa*.

5. Ông Đỗ Hồng S , sinh năm 1964; Trú tại số 22, ngõ TT, phường QT , quận ĐĐ , Hà Nội. *(Có Đơn xin xét xử vắng mặt)*.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Ngô Văn C , sinh năm 1960; ĐKHKTT: Số 15, ngách 10, ngõ MH phường BM , quận HBT , Thành phố Hà Nội. *(Có mặt tại phiên tòa)*.

2. Ông Tạ Đình H , sinh năm 1938 (Bố bị cáo Thảo); Trú tại: 290 KT , phường TQ , quận ĐĐ , Thành phố Hà Nội. *(Có mặt tại phiên tòa)*.

***Người bào chữa cho bị cáo Tạ Đình T và Bùi Thu H là các luật sư:** Nguyễn Đào T và Nguyễn Tiến S - Luật sư văn phòng Luật sư HH, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. *(Ông S có mặt, bà T vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/10/1990, ông Tạ Đình H (sinh năm 1938; trú tại P105, Đ3 tập thể TT, quận ĐĐ, Hà Nội) là bố đẻ Tạ Đình T mua căn nhà cấp 4, địa chỉ: số 59 phố HM, phường BM, quận HBT, thành phố Hà Nội, diện tích 35,1m² (gọi tắt là nhà số 59 phố HM) của bà Trần Thị H (sinh năm 1947; trú tại số 8 ngõ 75 phố HM, phường BM, quận HBT, thành phố Hà Nội), hai bên viết “*Giấy nhượng lại nhà*” nhưng không có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sau đó gia đình ông H cùng vợ chồng T, H chuyển đến ở tại căn nhà này, hàng năm ông H đều đóng thuế nhà đất. Ngày 22/8/1998, ông H đến Ủy ban nhân dân phường BM, quận HBT, thành phố Hà Nội kê khai, đề nghị xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất trên nhưng chưa được giải quyết.

Từ năm 1998 đến năm 2004, vợ chồng Tạ Đình T và Bùi Thu H (là giáo viên trường Trung học cơ sở) có vay tiền và USD của nhiều người thân quen để kinh doanh. Đến hạn, các bị hại yêu cầu trả nợ, do làm ăn thua lỗ nên chưa có tiền trả thì vợ chồng T, H viết giấy bán căn nhà số 59 phố HM cho các bị hại nhằm mục đích giãn các khoản nợ. Do không có khả năng trả nợ nên giữa những người đã cho T, H vay tiền và những người mua nhà của T, H xảy ra tranh chấp căn nhà số 59 phố HM nên ngày 12/11/2005, vợ chồng Tạ Đình T và Bùi Thu H đã bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh nhằm chiếm đoạt của 04 bị hại tổng số tiền là **1.773.550.000** đồng. Cụ thể như sau:

1. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của bà Trịnh Thị H (sinh năm 1970; trú tại số 45/162, phố TTD, phường HB, quận ĐĐ, Hà Nội) số tiền 1.000.000.000 đồng.

Khoảng giữa năm 2004, T, H vay của bà Trịnh Thị H 02 lần, tổng vay số tiền là 1.000.000.000 đồng (hai bên không viết giấy biên nhận); Đến hạn bà Hường đòi nợ, do kinh doanh thua lỗ nên chưa có tiền trả thì bà Hường nói vợ chồng T, H viết giấy bán căn nhà số 59 phố HM cho bà Hường. Để hợp thức hóa căn nhà là của mình nên T, H đến nhà bà Trần Thị H nói giấy tờ bán nhà bà H1 viết cho ông Tạ Đình H trước đây bị mất nên nhờ bà H1 viết lại giấy nhượng nhà cho Tạ Đình T và Bùi Thu H để hoàn thiện thủ tục xin cấp “sổ đỏ”. Do biết Thảo là con trai ông H nên bà H1 tin tưởng viết Giấy bán nhà đề ngày 10/11/1990, nội dung: *Tên tôi là Trần Thị H có căn nhà lá diện tích 40m² nay nhượng lại cho Tạ Đình T và Bùi Thu H số tiền 1.600.000 đồng*, bà H1 ký, ghi họ tên Trần Thị H1. Sau đó vợ chồng T - H xin xác nhận đất không có tranh chấp của các hộ liền kề là bà Phan Thị Kiều L và bà

Phạm Thanh H trên “Giấy bán nhà đề ngày 10/11/1990” mà bà H1 viết giấy bán cho T, H.

Ngày 09/8/2004, T, H viết giấy bán căn nhà số 59 phố HM cho bà Trịnh Thị H và ông Trần Thanh T (sinh năm 1960 - là anh rể bà Hường), nội dung: “*Tôi là Tạ Đình T và Bùi Thu H có căn nhà số 59 phố HM nhượng lại cho anh chị Trần Thanh T và Trịnh Thị H với số tiền là 1.000.000.000 đồng.*” Hai bên thỏa thuận, bà Hường vẫn để cho vợ chồng T, H ở lại căn nhà 59 phố HM và khi nào vợ chồng T, H có tiền thì sẽ chuộc lại. Sau đó T, H bỏ trốn nhằm chiếm đoạt của bà Trịnh Thị H và ông Trần Thanh T số tiền 1.000.000.000 đồng.

Ngày 29/8/2005, bà Hường và ông Tùng đã khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán nhà số 59 phố HM giữa bà Hường, ông Tùng với vợ chồng T, H. Ngày 12/9/2005, Tòa án nhân dân quận HBT, thành phố Hà Nội đã thụ lý vụ án dân sự. Ngày 30/9/2005, bà Hường xin rút đơn kiện, cùng ngày 30/9/2005, Tòa án nhân dân quận HBT đã đình chỉ giải quyết vụ án dân sự trên.

2. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của ông Nguyễn Đắc Q (sinh năm 1954; trú tại số 22B, ngõ LL, phường BM, quận HBT, Hà Nội) số tiền 560.000.000 đồng.

Khoảng cuối năm 2004, vợ chồng T, H vay của ông Nguyễn Đắc Q số tiền 900.000.000 đồng. Ngày 04/01/2005, ông Nguyễn Đắc Q và vợ là bà Nguyễn Thị Tuyết Mai (sinh năm 1958) thế chấp căn nhà số 74 ngõ 459 tổ 52 phường BM, quận HBT, Hà Nội để vay Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Hà Nội số tiền 300.000.000 đồng với lãi suất 1,25%/tháng rồi ông Q cho vợ chồng T - H vay toàn bộ số tiền trên (việc vay mượn không viết giấy biên nhận), hai bên thỏa thuận số tiền ông Q vay ngân hàng thì hàng tháng vợ chồng T - H có trách nhiệm trả tiền gốc và lãi trực tiếp cho Ngân hàng thay ông Q. Từ tháng 01/2005 đến tháng 10/2005 hàng tháng Hà đều trả tiền lãi cho Ngân hàng.

Ngày 04/01/2005, ông Q tiếp tục cho vợ chồng T, H vay số tiền 600.000.000 đồng với lãi suất 01%/tháng. Hai bên viết GIẤY VAY TIỀN, nội dung: “*Tạ Đình T, Bùi Thu H vay của anh Nguyễn Đắc Q số tiền 600.000.000 đồng, hẹn trong 18 tháng sẽ trả số tiền trên*” có chữ ký, chữ viết đồng họ tên Tạ Đình T và Bùi Thu H. Đồng thời ông Q và vợ chồng T, H thỏa thuận nếu quá hạn mà vợ chồng T - H không trả được tiền cho ông Q thì T, H phải chuyển nhượng nhà đất số 59 phố HM cho ông Q đồng thời vợ chồng T - H viết giấy bán nhà số 59 phố HM cho ông Q. Cùng ngày 04/01/2005 T, H viết giấy bán nhà, nội dung: *Tạ Đình H bán nhà số 59 phố HM cho ông Nguyễn Đắc Q (không ghi giá bán)*, có chữ ký của ông u, Tạ Đình T, Bùi Thu H. Sau đó, ông Q đến

UBND phường BM nộp hồ sơ để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn nhà trên.

Khoảng tháng 4/2005, do cần tiền nên ông Q đã đòi vợ chồng T, H trả số tiền 600.000.000 đồng, còn số tiền 300.000.000 đồng vay Ngân hàng thì ông Q vẫn để vợ chồng T - H vay, nếu sau một năm không trả được, ông Q vẫn mua lại nhà số 59 phố HM. Quá trình vay tiền, T, H trả cho ông Q tổng số tiền là 340.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ, ông Q đòi tiền nhưng T, H không trả mà bỏ trốn, nhằm chiếm đoạt của ông Nguyễn Đắc Q số tiền 560.000.000 đồng. Sau khi ra đầu thú và bị bắt, Tạ Đình T và Bùi Thu H đã tác động gia đình, ông Tạ Đình H đã tự nguyện bồi thường cho ông Nguyễn Đắc Q số tiền 300.000.000 đồng. Ông Q đã có đơn xin rút đơn tố giác hành vi của Tạ Đình T, Bùi Thu H và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

3. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị K (sinh năm 1963; trú tại số 1, ngách 26, ngõ TT, phường KT, quận DD, Hà Nội) số tiền 190.000.000 đồng.

Khoảng đầu năm 2005 vợ chồng T, H đến gặp bà Nguyễn Thị K hỏi vay của bà Kim số tiền 200.000.000 đồng để kinh doanh. Từ ngày 01/02/2005 đến ngày 01/4/2005 bà Kim cho vợ chồng T, H vay 04 lần tổng số tiền là 200.000.000 đồng nhưng không tính lãi, Hà viết 04 giấy vay tiền thể hiện vay của bà Kim tổng số tiền là 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 14 ngày và giao giấy vay tiền cho bà Kim giữ. Khoảng cuối tháng 3/2005 T, H đã trả bà Kim 10.000.000 đồng. Đến thời hạn trả nợ, bà Kim đến đòi nhưng không trả được. Ngày 01/4/2005 Hà viết *Giấy vay tiền*, nội dung: “*Tôi Tạ Đình T, Bùi Thu H vay của bà Kim, ông Hiếu số tiền 190.000.000 đồng chưa trả được, hẹn sau 10 ngày sẽ trả toàn bộ số tiền nêu trên*”, có chữ ký, ghi họ tên Tạ Đình T và Bùi Thu H. Đến hạn trả nợ, bà Kim đòi tiền nhưng T, H không trả mà bỏ trốn, nhằm chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị K số tiền 190.000.000 đồng. Sau khi ra đầu thú và bị bắt, Tạ Đình T và Bùi Thu H đã tác động gia đình, ông Tạ Đình H đã tự nguyện bồi thường cho bà Nguyễn Thị K số tiền 190.000.000 đồng. Bà Kim đã nhận đủ tiền và có đơn xin rút đơn tố giác hành vi của Tạ Đình T, Bùi Thu H và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

4. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của ông Đỗ Hồng S (sinh năm 1964; trú tại số 22, ngõ Tô Tiên, phường QT, quận DD, Hà Nội) 1.500 USD tương đương số tiền 23.550.000 đồng.

Ngày 08/3/2005, Tạ Đình T và Bùi Thu H nói do cần tiền để kinh doanh nên vay của ông Đỗ Hồng S số tiền 1.500 USD (theo tỷ giá hối đoái tháng 3/2005 thì 1 USD = 15.700 đồng), hai bên không viết giấy biên nhận và cùng thỏa thuận thời

hạn vay 01 tháng, không tính lãi suất. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ ông Sơn đến đòi nhưng T, H không trả được. Ngày 19/4/2005, Hà viết *Giấy vay tiền*, nội dung: “*Tôi Tạ Đình T vay của anh Sơn 1.500 USD vào ngày 8/3/2005, vì điều kiện tôi chưa trả được, hẹn sau 10 ngày sẽ trả toàn bộ số tiền nêu trên*”, có chữ ký, ghi họ tên Tạ Đình T và Bùi Thu H. Đến hạn trả nợ, ông Sơn đòi tiền nhưng T, H không trả mà bỏ trốn, nhằm chiếm đoạt của ông Đỗ Hồng S số tiền 23.550.000 đồng. Sau khi ra đầu thú và bị bắt, Tạ Đình T và Bùi Thu H đã tác động gia đình, ông Tạ Đình H đã tự nguyện bồi thường cho ông Đỗ Hồng S 1.500 USD. Ông Sơn đã nhận đủ tiền bị chiếm đoạt đồng thời có đơn xin rút đơn tố giác hành vi của Tạ Đình T, Bùi Thu H và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Ngoài ra để có tiền trả nợ ông Nguyễn Đắc Q, vợ chồng T - H đã xin ông H bán nhà số 59 phố HM cho ông Ngô Văn C (sinh năm 1960; trú tại số 15, ngách 10, ngõ MH, phường BM, quận HBT, Hà Nội) thì ông H đồng ý bán nhưng cần phải hủy giấy bán nhà đã viết cho ông Nguyễn Đắc Q. Trước khi mua bán, T, H nói cho ông Chanh biết là căn nhà số 59 phố HM đã bán cho ông Nguyễn Đắc Q, nếu ông Chanh mua thì phải yêu cầu ông Q rút hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Chanh đồng ý. Hai bên thỏa thuận vợ chồng T, H bán căn nhà số 59 phố HM cho ông Chanh với giá 2.000.000.000 đồng. Ngày 12/4/2005, Hà viết ĐƠN XIN XÁC NHẬN, nội dung: “*Tôi là Tạ Đình T chuyển nhượng và sang tên cho vợ chồng anh Chanh, chị Hương với số tiền 500.000.000 đồng, tôi có trách nhiệm bàn giao căn nhà trên cho anh Chanh, chị Hương.*” Thảo ký và viết dòng họ tên Tạ Đình T dưới mục Người làm đơn, ông Tạ Đình H ghi xác nhận dưới tờ giấy, nội dung: “*Tôi là bố Tạ Đình T đồng ý cho Thảo sử dụng căn nhà 59 HM*”, ông H ký, ghi họ tên dưới mục chủ hộ đồng thời ông H giao toàn bộ các giấy tờ, biên lai thu thuế nhà đất đối với thửa đất số 59 phố HM cho ông Chanh. Ngày 10/4/2005, ông Q có đơn xin rút hồ sơ kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà 59 phố HM. Do ông Chanh chưa có nhu cầu sử dụng nên cùng ngày 10/4/2005, ông Chanh đồng ý cho ông Tạ Đình H và vợ chồng T, H thuê lại căn nhà trên với giá 3.000.000 đồng/tháng. Hai bên lập hợp đồng (không qua công chứng hoặc chứng thực). Ngày 12/4/2005, Ngô Văn C đến UBND phường BM nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà 59 phố HM. Trong thời gian UBND phường BM, quận HBT xem xét lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Văn C thì vợ chồng Tạ Đình T và Bùi Thu H bỏ trốn, không báo cho gia đình và chính quyền địa phương, các bị hại không liên lạc được dẫn tới ông Nguyễn Đắc Q, Ngô Văn C, bà Trịnh Thị H và bà Nguyễn Thị K mâu thuẫn, tranh chấp tài sản là nhà đất số 59 HM, phường BM, quận HBT, thành phố Hà Nội. Sau đó bà Trịnh Thị H, ông Nguyễn Đắc Q;

Ngô Văn C ; Đỗ Hồng S , Nguyễn Thị K đã gửi đơn tố giác Tạ Đình T , Bùi Thu H về hành vi chiếm đoạt tài sản.

Quá trình điều tra ông Tạ Đình H không thắc mắc, tranh chấp gì với ông Ngô Văn C đối với căn nhà số 59 phố HM . Do đó xác định hợp đồng mua bán nhà số 59 phố HM giữa ông Tạ Đình H , Tạ Đình T , Bùi Thu H và ông Ngô Văn C là quan hệ dân sự nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

Ngày 04/01/2006, Cơ quan CSĐT - Công an quận HBT đã tiến hành kê biên đối với nhà đất và tài sản tại nhà số 59 phố HM , phường BM , quận HBT , Hà Nội để phục vụ việc giải quyết vụ án.

Đối với bà Trần Thị H mặc dù năm 1990 đã viết giấy bán căn nhà số 59 phố HM cho ông Tạ Đình H , nhưng đến năm 2004 lại viết giấy bán nhà cho Tạ Đình T và Bùi Thu H . Tuy nhiên bà H1 khai do tin tưởng viết giấy bán nhà cho T, H để hoàn thiện hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Cũng như ông Tạ Đình H ký xác nhận vào giấy bán căn nhà số 59 phố HM cho Nguyễn Đắc Q là do vợ chồng T, H nhờ ông H ký giấy bán nhà để cho ông Q làm tin, nhưng sau đó ông đã hủy giấy bán nhà trên. Bản thân bà H1 , ông H không hứa hẹn, không biết hành vi chiếm đoạt tài sản của T, H , không được hưởng lợi gì từ tài sản chiếm đoạt nên bà Trần Thị H và ông Tạ Đình H không phạm tội hình sự. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý bà H1 , ông H là có căn cứ.

Tại cơ quan điều tra, Tạ Đình T và Bùi Thu H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, phù hợp với lời khai của những người bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số **198/CT-VKS-P3** ngày 03/6/2022, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố: Tạ Đình T và Bùi Thu H về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

- **Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến gì về tội danh, điều khoản luật mà Viện kiểm sát áp dụng truy tố các bị cáo với tội danh “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”; Các bị cáo đều ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.**

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa: Sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Tạ Đình T và Bùi Thu H và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38,*

Điều 55 Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Đình Thảo từ 07 năm đến 08 năm tù; Bùi Thu H từ 05 năm đến 06 năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Về dân sự: Các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường dân sự hết cho những người bị hại và họ không có yêu cầu bồi thường về dân sự nữa. Các bị hại đều có Đơn xin rút yêu cầu truy tố và đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Trả lại nhà số 59 phố HM cho ông Ngô Văn C. Mặc dù tại phiên tòa bị cáo Thảo có ý kiến không nhận lại các tài sản đã bị kê biên nhưng để đảm bảo quyền lợi của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại bị cáo Tạ Đình T các tài sản đã kê biên theo Lệnh kê biên tài sản số 08 ngày 29/12/2006 của Cơ quan Cảnh sát điều tra quận HBT, thành phố Hà Nội.

+ *Người bào chữa cho bị cáo Tạ Đình T là Luật sư Nguyễn Tiến Sơn có quan điểm:*

Nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo lần đầu phạm tội, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo đã trả tiền toàn bộ cho các bị hại nên được áp dụng tình tiết khắc phục hậu quả tại điểm b và thành khẩn khai báo điểm s tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đến nay, gia đình bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại, những người bị hại có “Đơn xin rút truy tố” đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và thấp hơn đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát để cho bị cáo có cơ hội cải tạo, trở về chăm sóc bố mẹ già.

Các bị cáo đều nhất trí với quan điểm bào chữa của Luật sư tại phiên tòa và không có ý kiến bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Phân tích tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội và tội danh:

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên toà, thấy phù hợp với lời khai của các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu được, lời khai của người làm chứng, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Do làm ăn thua lỗ, từ tháng 8/2004 đến tháng 4/2005 vợ chồng Tạ Đình T và Bùi Thu H đã vay tiền của nhiều người để sử dụng vào mục đích cá nhân. Đến hạn, các bị hại yêu cầu trả nợ thì Tạ Đình T và Bùi Thu H hợp thức hóa giấy bán nhà số 59 phố HM, phường BM, quận HBT, Hà Nội sau đó T, H viết giấy bán nhà cho ông Trần Thanh T và bà Trần Thị Hương với giá 1.000.000.000 đồng; bán cho ông Nguyễn Đắc Q với giá 900.000.000 đồng. Ngoài ra, vợ chồng T, H còn vay của ông Đỗ Hồng S 1.500 USD tương đương số tiền 23.550.000 đồng; vay của bà Nguyễn Thị K số tiền 200.000.000 đồng. Quá trình vay tiền, T, H đã trả cho ông Nguyễn Đắc Q số tiền 340.000.000 đồng, trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền 10.000.000 đồng. Quá hạn trả nợ, các bị hại thúc giục đòi lại tiền và đòi lại nhà thì ngày 12/11/2005 vợ chồng Tạ Đình T và Bùi Thu H đã bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh nhằm chiếm đoạt của 04 bị hại tổng số tiền là **1.773.550.000** đồng, trong đó chiếm đoạt của bà Trịnh Thị H và ông Nguyễn Thanh Tùng số tiền 1.000.000.000 đồng; ông Nguyễn Đắc Q số tiền 560.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị K số tiền 190.000.000 đồng; ông Đỗ Hồng S 1.500 USD tương đương số tiền 23.550.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông Tạ Đình H là bố đẻ Tạ Đình T đã tự nguyện bồi thường cho ông Nguyễn Đắc Q số tiền 300.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị K số tiền 190.000.000 đồng, ông Đỗ Hồng S 1.500 USD. Sau khi nhận được tiền bồi thường, bà Kim, ông Sơn, ông Q đã có đơn xin rút đơn tố giác hành vi của Tạ Đình T và Bùi Thu H và không có yêu cầu bồi thường gì thêm; Bà Trịnh Thị H yêu cầu bồi thường số tiền 1.000.000.000 đồng. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, đại diện gia đình Tạ Đình T là ông Tạ Đình H (bố đẻ) đã tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả cho chị Trịnh Thị H (thông qua chị Trịnh Thị Đ do chị Hương ủy quyền) và anh Trần Thanh T và các bị hại đã có đơn đề nghị giảm nhẹ cho các bị cáo.

Với hành vi phạm tội của các bị cáo nêu trên, Tạ Đình T và Bùi Thu H đã phạm tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*", theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Bị cáo Tạ Đình T và Bùi Thu H đã vay tiền của nhiều người để sử dụng vào mục đích cá nhân, đến hạn, không có tiền trả nợ các bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để hợp thức hóa giấy bán nhà số 59 phố HM, phường BM, quận HBT, Hà Nội sau đó viết giấy bán nhà cho ông Trần Thanh T và bà Trần Thị Hương với giá 1.000.000.000 đồng; bán cho ông Nguyễn Đắc Q với giá 900.000.000 đồng. Ngoài ra, vợ chồng T, H còn vay của ông Đỗ Hồng S 1.500 USD tương đương số tiền 23.550.000 đồng; vay của bà Nguyễn Thị K số tiền 200.000.000 đồng. Quá

hạn trả nợ, các bị hại đòi lại tiền và đòi lại nhà thì vợ chồng Tạ Đình T và Bùi Thu H đã bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh nhằm chiếm đoạt của 04 bị hại tổng số tiền là **1.773.550.000** đồng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng “*Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên*” qui định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Xét vai trò của từng bị cáo: Bị cáo Thảo có vai trò chủ mưu, khởi xướng việc phạm tội, giữ vai trò chính, bị cáo Hà do tin tưởng và cả nể chồng nên giúp sức cho chồng cùng thực hiện hành vi phạm tội giữ vai trò đồng phạm giúp sức. Do vậy, Thảo phải chịu hình phạt cao hơn Hà. Mặt khác, hai bị cáo là vợ chồng trong cùng gia đình, phạm tội do túng quẫn vì làm ăn thua lỗ...nên Hội đồng xét xử cũng xem xét cho các bị cáo khi quyết định hình phạt, để các bị cáo có cơ hội sửa sai.

Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây thiệt hại lớn về tài sản cho người bị hại, gây hoang mang, lo lắng và bất bình trong nhân dân.

Với hành vi phạm tội của các bị cáo như trên, cần có mức hình phạt nghiêm khắc nhằm cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- *Về nhân thân*: Bị cáo Thảo có nhân thân xấu: Tại Bản án số 105/HS-ST ngày 18/4/1980 của Tòa án nhân dân quận HBT , Hà Nội xử phạt Thảo 08 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa*”; Ngày 10/7/1985, Tòa án nhân dân quận HK , Hà Nội xử phạt Thảo 20 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản của công dân*”. Bị cáo Tạ Đình T đã chấp hành xong 2 bản án, đã được xóa án.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo Hà lần đầu phạm tội; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải, biết hối lỗi và ân hận do hành vi phạm tội của mình gây ra; các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục toàn bộ cho những người bị hại và họ có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, khi biết bị truy nã các bị cáo đã ra đầu thú...đây là những tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng, răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung và thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Từ tháng 8/2004 đến tháng 4/2005, các bị cáo đã 4 lần thực hiện hành vi lừa đảo đối với 4 bị hại, mỗi lần thực hiện hành vi phạm tội đều cấu thành một tội phạm độc lập. Hành vi phạm tội của các bị cáo cần áp dụng tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình

sự là “*Phạm tội từ 2 lần trở lên*”.

- Về hình phạt bổ sung: Không.

[4]. Các vấn đề khác:

Về việc mua bán nhà giữa ông Chanh với vợ chồng T, H và ông Hiền: để có tiền trả nợ ông Nguyễn Đắc Q, vợ chồng T - H đã xin ông H bán nhà số 59 phố HM cho ông Ngô Văn C (sinh năm 1960; trú tại số 15, ngách 10, ngõ MH, phường BM, quận HBT, Hà Nội) thì ông H đồng ý bán nhưng cần phải hủy giấy bán nhà đã viết cho ông Nguyễn Đắc Q. Trước khi mua bán, T, H nói cho ông Chanh biết là căn nhà số 59 phố HM đã bán cho ông Nguyễn Đắc Q, nếu ông Chanh mua thì phải yêu cầu ông Q rút hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Chanh đồng ý. Hai bên thỏa thuận vợ chồng T, H bán căn nhà số 59 phố HM cho ông Chanh với giá 2.000.000.000 đồng. Ngày 12/4/2005, Hà viết ĐƠN XIN XÁC NHẬN, nội dung: *Tôi là Tạ Đình T chuyển nhượng và sang tên cho vợ chồng anh Chanh, chị Hương với số tiền 500.000.000 đồng, tôi có trách nhiệm bàn giao căn nhà trên cho anh Chanh, chị Hương*. Thảo ký và viết dòng họ tên Tạ Đình T dưới mục Người làm đơn, ông Tạ Đình H ghi xác nhận dưới tờ giấy, nội dung: *Tôi là bố Tạ Đình T đồng ý cho Thảo sử dụng căn nhà 59 HM*, ông H ký, ghi họ tên dưới mục chủ hộ đồng thời ông H giao toàn bộ các giấy tờ, biên lai thu thuế nhà đất đối với thửa đất số 59 phố HM cho ông Chanh. Ngày 10/4/2005, ông Q có đơn xin rút hồ sơ kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà 59 phố HM. Do ông Chanh chưa có nhu cầu sử dụng nên cùng ngày 10/4/2005, ông Chanh đồng ý cho ông Tạ Đình H và vợ chồng T, H thuê lại căn nhà trên với giá 3.000.000 đồng/tháng. Hai bên lập hợp đồng (không qua công chứng hoặc chứng thực). Ngày 12/4/2005, ông Ngô Văn C đến Ủy ban nhân dân phường BM nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà 59 phố HM. Trong thời gian Ủy ban nhân dân phường BM, quận HBT xem xét lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Văn C thì vợ chồng Tạ Đình T và Bùi Thu H bỏ trốn, không báo cho gia đình và chính quyền địa phương, các bị hại không liên lạc được dẫn tới ông Nguyễn Đắc Q, Ngô Văn C, bà Trịnh Thị H và bà Nguyễn Thị K mâu thuẫn, tranh chấp tài sản là nhà đất số 59 HM, phường BM, quận HBT, thành phố Hà Nội. Sau đó bà Trịnh Thị H, ông Nguyễn Đắc Q, Ngô Văn C, Đỗ Hồng S, Nguyễn Thị K đã gửi đơn tố giác Tạ Đình T, Bùi Thu H về hành vi chiếm đoạt tài sản. Quá trình điều tra và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, T, H đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho chị Hương, anh Tùng, ông Q, bà Kim và ông Sơn, các bị hại đều không có yêu cầu bồi thường dân sự nữa.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, ông Tạ Đình H, vợ chồng Hà Thảo không thắc mắc, tranh chấp gì với ông Ngô Văn C đối với căn nhà số 59 phố HM và xác nhận đã nhận của ông Chanh 2.000.000.000 đồng và đồng ý chuyển nhượng và sẵn sàng làm thủ tục chuyển nhượng căn nhà trên cho ông Chanh, ông Chanh cũng nhất trí và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho ông số tiền 2.000.000.000 đồng mà mong muốn tiếp tục làm các thủ tục hợp pháp để hoàn thiện thủ tục chuyển nhượng nhà đất cho ông theo quy định của pháp luật. Do đó, xác định hợp đồng mua bán nhà số 59 phố HM giữa ông Tạ Đình H, Tạ Đình T, Bùi Thu H và ông Ngô Văn C là quan hệ dân sự nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

Ngày 04/01/2006, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận HBT đã tiến hành kê biên đối với nhà đất và tài sản tại nhà số 59 phố HM, phường BM, quận HBT, Hà Nội để phục vụ việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, như đã phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải kê biên nhà đất số 59 HM mà giải tỏa kê biên và tạm giao nhà cho ông Chanh quản lý và thực hiện các thủ tục chuyển nhượng với gia đình ông Hiền, T, H theo qui định của pháp luật. Trường hợp các bên có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

- Đối với bà Trần Thị H mặc dù năm 1990 đã viết giấy bán căn nhà số 59 phố HM cho ông Tạ Đình H, nhưng đến năm 2004 lại viết giấy bán nhà cho Tạ Đình T và Bùi Thu H. Tuy nhiên bà H1 khai do tin tưởng viết giấy bán nhà cho T, H để hoàn thiện hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cũng như ông Tạ Đình H ký xác nhận vào giấy bán căn nhà số 59 phố HM cho Nguyễn Đắc Q là do vợ chồng T, H nhờ ông H ký giấy bán nhà để cho ông Q làm tin, nhưng sau đó ông đã hủy giấy bán nhà trên. Bản thân bà H1, ông H không hứa hẹn, không biết hành vi chiếm đoạt tài sản của T, H, không được hưởng lợi gì từ tài sản chiếm đoạt nên bà Trần Thị H và ông Tạ Đình H không phạm tội hình sự. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý bà H1, ông H là có căn cứ.

[5]. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- *Về trách nhiệm dân sự:* Các bị cáo đã bồi thường hết cho những người bị hại nên không xem xét.

- *Về xử lý vật chứng:* Giải tỏa Lệnh kê biên số 08/ĐTTH ngày 29/12/2006 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận HBT, Thành phố Hà Nội đối với nhà và tài sản tại 59 phố HM, phường BM, quận HBT, Thành phố Hà Nội (Nhà và tài sản kê biên như 2 Biên bản kê biên tài sản vào hồi 08 giờ 45 phút và 09 giờ ngày 04/01/2007); Tạm giao nhà 59 phố HM cho ông Ngô Văn C quản lý và làm các thủ tục chuyển nhượng theo qui định của pháp luật; Trả lại bị cáo Tạ Đình T các tài sản theo Lệnh kê biên và Biên bản kê biên tài sản vào hồi 08 giờ 45 và 09 giờ ngày 04/01/2007 nêu trên.

[6]. Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Tạ Đình T** và **Bùi Thu H** phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

2. Áp dụng: khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; **Điều 50**; Điều 38; Điều 54; Điều 17 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt: Tạ Đình T **07** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **15/10/2021**;

- Xử phạt: Bùi Thu H **05** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ

ngày **15/10/2021**.

3. Căn cứ Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường hết cho những người bị hại nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

- Giải tỏa Lệnh kê biên số 08/ĐTTH ngày 29/12/2006, của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận HBT , Thành phố Hà Nội đối với nhà và tài sản tại 59 phố HM , phường BM , quận HBT , Thành phố Hà Nội (Nhà và tài sản kê biên như 2 Biên bản kê biên tài sản vào hồi 08 giờ 45 phút và 09 giờ ngày 04/01/2007). Cụ thể:

+ Ngôi nhà số 59 phố HM , phường BM , quận HBT , Hà Nội. Diện tích mặt bằng khoảng 30m², nhà xây, mái bê tông, 2 tầng. Tầng 1 có 2 phòng khoảng 30 m², 1 gác xép khoảng 20m², bán mái lợp ngói proximang cũ, tầng 2 một phòng khoảng 10m². Ngôi nhà nằm ở vị trí mặt tiền là phố HM , phường BM , bên trái nhìn từ phố HM vào giáp với số nhà 61 HM , bên phải giáp với số nhà 57 HM . Mặt sau ngôi nhà liền kề với ngõ.

+ Tài sản:

- 01 tivi hiệu Samsung – Plano mặt màu trắng, màn hình phẳng loại 21inch đã cũ, không rõ chất lượng;

- 01 chiếc ti vi hiệu không rõ (Loại nội địa) vỏ màu đen, màn hình cong, loại 21 inch đã cũ không rõ chất lượng;

- 02 chiếc loa nhãn hiệu Bose (đã cũ), không rõ chất lượng có kích thước 15cm x 25 cm x 15 cm, màu đen;

- 01 chiếc loa nhãn hiệu Bose (đã cũ), không rõ chất lượng có kích thước 25cm x 40 cm x 22 cm, màu đen, vỏ nâu gỗ;

- 01 chiếc âmly không có nhãn hiệu, vỏ bằng sắt màu ký hiệu PA 500 – 150w, đã cũ, không rõ chất lượng có kích thước 25 cm x 40 cm x 10 cm;

- 01 bộ đổi nguồn hiệu Lioa có kích thước 20 cm x 15 cm x 07 cm, đã cũ, không rõ chất lượng;

- 01 đầu kỹ thuật số màu đen hiệu Prosat đã cũ, không rõ chất lượng, có kích thước 40 cm x 25 cm x 05 cm;

- 01 đầu đĩa hình màu vàng nhạt, nhãn hiệu JVC, đã cũ, không rõ chất lượng; có kích thước 45 cm x 10 cm x 30 cm;

- 01 ỏn áp Lioa - 1500w, đã cũ, không rõ chất lượng có kích thước 30 cm x 25 cm x 15 cm;

- 02 chiếc quạt tản gió hiệu JIPLAI, đã cũ, không rõ chất lượng;
- 03 chiếc quạt treo tường hiệu CHINGHAI, đã cũ, không rõ chất lượng;
- 01 máy sưởi do Liên Xô sản xuất, đã cũ, không rõ chất lượng, kích thước 45 cm x 55 cm x 02 cm;
- 01 phích nước chạy điện, hiệu KOMASU đã cũ, không rõ chất lượng;
- 01 máy giặt cửa đứng hiệu LG, đã cũ, không rõ chất lượng, màu ghi sáng, kích thước 90 cm x 50cm x 50cm;
- 01 quạt cây hiệu NATIONAL, màu xanh, đã cũ, không rõ chất lượng;
- 01 tủ lạnh 2 cánh đã cũ, không rõ nhãn hiệu (Sanyo) , đã cũ, không rõ chất lượng, kích thước 100cm x 40 cm x 40cm;
- 01 chiếc xe đạp nữ , đã cũ, không rõ chất lượng;
- 01 quạt treo tường, đã cũ, không rõ chất lượng, màu trắng, bị mất nắp lồng phía trước;
- 01 tủ gỗ cũ không đựng gì;
- 01 giường gỗ;
- 01 bể cá nhỏ cũ;
- 01 tủ nhôm kính cũ có bát đĩa;
- 01 bình ga;
- 01 bếp ga cũ, nhỏ không rõ chất lượng;
- 01 bình nóng lạnh cũ, không rõ chất lượng;
- 01 tủ gỗ hổng nhỏ;
- 01 quạt trần cũ không rõ nhãn mác, chất lượng;
- 01 điều hòa cũ không rõ chất lượng, mác NATIONAL; ghé đệm quây quanh tường đã cũ hổng;
- 05 bàn gỗ nhỏ đã cũ hổng;
- 01 tủ quày gỗ cũ không chứa gì bên trong;
- 01 bàn quày gỗ cũ không chứa gì bên trong.
- + Trả lại cho bị cáo Tạ Đình T các tài sản đã nêu trên.

+ Tạm giao nhà đất tại số 59 phố HM , phường BM , quận HBT , Hà Nội cho ông Ngô Văn C quản lý và thực hiện làm các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo qui định của pháp luật. Trường hợp các bên có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

4. Án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ **thẩm** và có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Các bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo về phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại HN;
- VKSND cấp cao tại HN;
- Viện kiểm sát ND TP Hà Nội;
- Công an TP Hà Nội;
- Cục Thi hành án DS TP Hà Nội;
- Trại tạm giam số 1, Công an TP Hà Nội;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy